

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2020

V/v *Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lưu Danh Sử
 - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia
phiên tòa:** Đình Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở
phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý
số 212/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/08/2020 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con ”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67 ngày 14/9/2020.

Nguyên đơn: Anh **Lê Văn L**, sinh năm 1981.

HKTT: Thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Công nhân

Anh L và chị H vắng mặt (đều đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 25/8/2020, biên bản hòa giải ngày 11/9/2020 và đề nghị xử vắng mặt, anh L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị H vào ngày 25/5/2016 tại UBND xã Đ, huyện N là hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau tại thôn L, xã Đ. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, là do bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống. Nên vợ chồng xảy ra việc cãi, chửi nhau nhiều lần. Đến tháng 10 năm 2017 lúc này chị H đang mang thai và bỏ ra ngoài ở từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh L và chị H có một con chung là Lê Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 07/12/2017 hiện ở với chị H. Anh L nhất trí để chị H nuôi con và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung công nợ chung: Anh L xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến chị H: Tại bản tự khai ngày 31/8/2020 và biên bản hòa giải ngày 11/9/2020 và đề nghị xử vắng mặt chị H trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định lời khai của anh L về thời gian kết hôn, diễn biến hôn nhân và gia đình, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị là đúng.

Về tình cảm: Chị nhất trí ly hôn với anh L vì tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con một tháng là 2000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị nhất trí như anh L trình bày.

Tại phiên tòa: Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối đề nghị như sau, căn cứ: Các Điều 55, Điều 58, Điều 71, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L. Xử lý hôn giữa anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 07/12/2017 hiện đang ở với chị H cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 10 năm 2020 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

3. Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng: Anh L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị H. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của anh L, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Anh L và chị H chấp hành đầy đủ. Đến ngày 01/9/2020 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị H kết hôn với nhau vào ngày 25/5/2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân của hai người là hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, là do bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống nên vợ chồng xảy ra việc cãi chửi nhau nhiều lần. Từ thực tế anh L và chị H từ khi sống ly thân, hai người cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đây là bằng chứng, xác định tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị H không còn khả năng đoàn tụ, đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L. Đối với chị H chị cũng nhất trí ly hôn với anh L vì vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh L và chị H là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thực tế về điều kiện kinh tế, chị H là công nhân có thu nhập ổn định. Xét thực tế cháu Lê Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 07/12/2017 ở với chị H từ khi sinh ra còn nhỏ đã ổn định về nhiều mặt trong cuộc sống, chị H là công nhân có thu nhập ổn định. Vì vậy cần giao cho chị H

tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không thỏa thuận với nhau được về mức cấp dưỡng. Căn cứ vào thực tế cuộc sống và điều kiện thu nhập của anh L là lao động tự do mức thu nhập bình quân tại xã Đ khoảng 140.000 đồng 1 người/một ngày phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị H một tháng là 1.000.000 đ (một triệu đồng) thời gian tính từ tháng 10/2020 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự xác định không có không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Anh L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Căn cứ Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 07/12/2017 hiện đang ở với chị H cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) thời gian tính từ tháng 10 năm 2020 đến khi cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán hết số tiền phải thi hành án cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Án phí ly hôn: Anh L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Anh L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số: 0000611 ngày 20/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án phí cấp dưỡng: Anh L phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, anh L và chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- UBND xã Đ.
- Dương sự
- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Minh Lực

